

ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC BIẾN ĐỔI VỀ MẶT VĂN HÓA TRONG THỜI KỲ HẬU XÔ VIẾT TỚI TIẾNG NGA HIỆN ĐẠI

TS.KH NGUYỄN NGỌC HÙNG
Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội

Hiện nay mọi người đều công nhận : văn hóa (thành tố văn hóa) đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc dạy - học ngoại ngữ. Ở đây, văn hóa được chúng tôi hiểu theo nghĩa rộng. Nó bao gồm tất cả những gì ngoài ngôn ngữ, như kiến thức về cơ cấu kinh tế - chính trị của xã hội, lối sống, phong tục tập quán v.v... [1]. Nếu dạy và học tiếng Nga ngoài môi trường ngôn ngữ thì sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy đóng vai trò hết sức quan trọng. Đó là công cụ hữu hiệu trong quá trình học cũng như dùng để rèn luyện những kỹ năng lời nói. Các phương tiện phụ trợ khác chỉ phát huy tác dụng tối đa khi có được kế hoạch và tài liệu giảng dạy hợp lý.

Sau khi Liên xô tan rã, quan hệ giữa nước ta với Liên bang Nga bị thu hẹp thì chức năng của tiếng Nga đương nhiên không thể còn như một công cụ giao lưu rộng rãi như trước nữa. Tình hình nước Nga từ khi Liên xô tan rã đã có nhiều biến động về chính trị, kinh tế, xã hội ... không thể không ảnh hưởng tới sự biến đổi của ngôn ngữ, nhất là đối với những gì có liên quan tới văn hóa hiểu theo nghĩa rộng ở trên. Những người giảng dạy và nghiên cứu tiếng Nga đứng trước sự lựa chọn thật khó khăn : tài liệu cũ thì hoàn toàn không sử dụng được, còn tài liệu mới hiện nay chưa ổn định, chưa có phương hướng rõ ràng về mặt lựa chọn nội dung giảng dạy. Ta hãy so sánh sơ bộ hai loại tài liệu kể trên, tìm hiểu những giáo trình tiếng Nga dành cho người nước ngoài.

Giáo trình "Start". Nội dung chung quanh các chủ đề rất quen thuộc như : Sinh hoạt, đời sống sinh viên Nga và nước ngoài ở thời kỳ xô viết bao cấp; Cách mạng tháng Mười - bình minh của thế giới mới; Trong gia đình thống nhất - Liên bang Xô viết; Chặng đường hàng thế kỷ - điện khí hóa trong công cuộc xây dựng CNXH; Khoa học phục vụ nhân dân - chinh phục vũ trụ; Ký ức trái tim - Chiến tranh vệ quốc; Thanh niên - chủ nhân của đất nước; Dự báo 2017 - gửi thế hệ tương lai.

Giáo trình mới [2] dùng cho sinh viên nước ngoài ấn hành năm 1997 gồm những chủ đề liên quan chủ yếu tới lịch sử nước Nga từ thế kỷ XVI, liên quan nhiều tới tôn giáo, nhà thờ, các triều đại vua chúa. Ví dụ : Lịch sử Piôt Đại đế xây dựng thủ đô mới vào đầu thế kỷ thứ XVIII; Lịch sử tu viện Xôlovetki thế kỷ XVI và vào những năm 30 là trại tập trung dưới chính quyền Xô viết; Thành phố Tôbônxcơ thế kỷ XVI, gắn liền với lịch sử Nga hoàng, nơi gia đình Sa hoàng Rômanốp ẩn náu sau năm 1917; Thảm kịch ở làng Alếchxandrôp - lịch sử Ivan Hung bạo giết con trai có liên quan tới bức tranh của Rêpin. Về văn hóa có những bài như sau : Tác chế Matrôski; Mùa thu ở Bôndin - nơi Puskin sáng tác những tác phẩm bất hủ của mình; Con cháu chúng ta liệu có còn đọc Puskin nữa không ... Nói chung tài liệu rất khó cả về nội dung lẫn ngôn ngữ không những đối với học viên mà còn đối với cả giáo viên. Lựa chọn, sàng lọc số tư liệu đó không đơn giản, cần có thời gian nghiên cứu, giản lược. Về chủ đề nội dung thuộc các mặt của cuộc sống nước Nga được đề cập như vậy. Còn bản thân tiếng Nga và các thành tố văn hóa được thể hiện trong đó ra sao? Giáo học pháp đã khẳng định : không thể dạy ngoại ngữ tách rời với văn hóa bản địa và không so sánh với văn hóa của người học. Chúng liên quan hữu cơ với nhau. Ở giai đoạn đầu ảnh hưởng trước hết đến văn hóa ứng xử. Nếu không nắm được văn hóa (trong đó có văn hóa ứng xử) sẽ không thể đạt được hiệu quả cần thiết trong giao tiếp của người học.

Những yếu tố văn hóa xã hội, nhất là những yếu tố bị tác động mạnh mẽ như ở Nga, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngôn ngữ. Trong thế kỷ qua tiếng Nga cùng với xã hội đã phải nếm trải hai biến cố lịch sử to lớn và đã ghi nhận hai mốc phát triển tương đối rõ nét và đột biến. 1) Giai đoạn phát triển tiếng Nga sau Cách mạng tháng Mười, phát triển trong suốt thời kỳ Xô viết, dưới tác động của nền văn hóa vô sản. Những cải cách và biến đổi đáng kể trong lĩnh vực tiếng Nga đã được ghi nhận trong nhiều tài liệu quan trọng [3]. 2) Sự phát triển tiếng Nga thời hậu xô viết. Thời kỳ này diễn ra chưa được bao lâu, nên về mặt ngôn ngữ chưa có sự đánh giá hoàn chỉnh. Theo tài liệu rất ít ỏi trong tay, chúng tôi cũng đã thấy có một số biến đổi tương

đối rõ nét mà chúng ta, những người dạy và nghiên cứu tiếng Nga không thể không quan tâm theo dõi. Nguyên nhân của những sự thay đổi trước hết là những biến đổi chính trị - xã hội kinh tế, giáo dục ... trong đời sống nước Nga sau khi Liên Xô tan rã. Những biến động về mặt văn hóa theo nghĩa rộng được phản ánh trong tiếng Nga và có tác động đến sự phát triển tiếng Nga ở giai đoạn hiện nay. Trong bản báo cáo nhỏ này chúng tôi bước đầu chỉ đề cập đến lĩnh vực từ vựng - vì từ vựng trực tiếp phản ánh các thành tố văn hóa trong ngôn ngữ, do vậy nó nhạy cảm nhất đối với mọi biến động của xã hội. Về hình thái học và cú pháp học xin bàn ở công trình khác [4].

Xét về mặt phát triển và hoạt động của các đơn vị từ vựng hiện nay (xem 5), có thể đề cập tới những mặt sau đây.

- Sự thay đổi chức năng sử dụng, tu từ của một số lớp từ, một vài xu thế biến đổi trong cấu trúc ngữ nghĩa của từ và sự thay đổi nguồn gốc vay mượn từ.

- Ảnh hưởng của những thay đổi đó đến văn hóa ứng xử và phong cách sử dụng ngôn ngữ. Phải chăng thành tố văn hóa chứa đựng trong nội dung nghĩa từ đã bị thay đổi? Những thí dụ dưới đây chúng tôi lấy chủ yếu trong công trình của viện sĩ V.G. Kôxtômarốp [6].

1. Biến động về mặt chính trị-xã hội của đất nước kéo theo biến động về các mặt khác như kinh tế, giáo dục ... dẫn đến thay đổi chức năng sử dụng, tu từ của một khối lượng từ đáng kể. Trước hết là những "từ xô viết" (xovetizm). Nhiều từ đã không còn nữa hoặc được dùng với nghĩa lịch sử - chúng biến thành các từ cổ hoặc từ lịch sử (tùy theo quan điểm của các nhà nghiên cứu), bởi vì những khái niệm và sự vật được chúng biểu đạt không còn tồn tại, như trên đã nói, chủ yếu là những từ đặc trưng cho chế độ xô viết.

Thí dụ : ЦК КПСС, КГБ, обком, райком, народный контроль, Советский Союз, Верховный совет, Совнарком, совнархоз và nhiều từ khác. Do đó, về mặt sử dụng mà nói những từ tích cực trước kia nay đã thành những từ thụ động, ít dùng hoặc không dùng thường ngày.

2. Ngược lại, với cơ chế chính trị xã hội - kinh tế mới, một số từ cổ được sống lại, được sử dụng ngày càng rộng, trở thành từ tích cực vì cuộc sống hiện nay cần đến chúng.

Thí dụ : Дума, лицей, гимназия, губернатор, господин, префект, гувернантка, апостол và những từ khác.

3. Cấu tạo từ mới

Cấu tạo từ mới để biểu thị những khái niệm mới nảy sinh hoặc biểu thị một sắc thái tu từ nào đó. Cấu tạo theo phương thức truyền thống - ghép các gốc từ hoặc dùng các phụ tố.

Thí dụ : Перестройка - контрстрейка, катастройка. (*Надежды рухнули, испарились в буднях катастройки*) (1991). Гайдарономика. (*Нам предлагают новое издание гайдарономики, принципы которой были отвергнуты российским парламентом*) (1993).

Прихватаизация (ср. приватизация), волчеризация. (*С большим интересом слежу за начавшейся в России приватизацией. Много шума о "прихватаизации", "волчеризации" и пр.*) (1992).

Бывшевики вместо большевики. (*На последнем заседании "бывшевики" вставанием прогłosовали за выделение значительных выходных пособий*) (1992).

Совок (совковский) cấu tạo có lẽ từ сов- (và hậu tố -ок), nghĩa là : người xô viết, công dân của Liên Xô trước đây, mang sắc thái điều cợt, châm biếm, xuất hiện năm 1992 trên báo chí. Danh từ này bị lên án nhiều. Ví dụ :

Что такое "совок"? Нечто низменное, тупое, нечто вскормленное годами Советской власти ... Вроде бы их много, (совков), вроде бы они являют собой какую-то новую категорию, Перед нами просто ругательство, в соответствии с характером эпохи имеющее ядовитую политическую окраску ...

4. Biến đổi nội dung nghĩa từ, thay đổi sắc thái hoặc thêm nghĩa vị mới

Thí dụ : Субъект có nghĩa là "chủ thể" - chủ thể trong Liên bang Nga [7].

Thay từ русский bằng российский - россиянин.

Cũng mọi khái niệm và hiện tượng xã hội được gán cho từ khác, nổi lên thái độ, quan điểm khác của người sử dụng chúng (về mặt văn hóa). Thí dụ, hiện nay người ta không thích dùng từ "коллективизм" và thay vào đó từ "соборность", tạm dịch là "tính cộng đồng" vay mượn từ hệ thống thuật ngữ tôn giáo: tập hợp mọi người trên cơ sở tình yêu đối với Chúa, với con người. Nhưng trong trường hợp này sắc thái tôn giáo không còn nữa. Hoặc là từ "духовность" thay hẳn những từ "партийность, народность" mà trước kia rất hay dùng. Sự đối lập giữa "левый" và "правый" có khác : левый - демократ, либерал, революционер. Правый - коммунист, державник.

5. Vay mượn

Vay mượn là hiện tượng phổ biến đối với các ngôn ngữ. Vay mượn từ thứ tiếng nào còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố xã hội. Nhưng vay mượn quá mức, không tính toán, không có sự điều chỉnh, định hướng, sẽ trở thành tiêu cực. Hiện nay, trong tiếng Nga người ta thấy lần nữa lặp lại lịch sử của những năm 20 [3]. Vay mượn từ tiếng Anh hiện trở thành cái mốt, trước hết đối với lớp trẻ. Trong việc vay mượn gần như tràn lan này chúng tôi nhận thấy có những hiện tượng sau đây.

5.1. Vay mượn không xuất phát từ nhu cầu, mà từ phong trào hay là theo mốt, để thay vào những từ vốn có trong tiếng Nga.

- Vay mượn những từ mới : имидж (образ), самит (встреча в верхах), спонсор, аниматор, рейтинг ...

- Vay nghĩa mới trong tiếng Anh : конверсия (преобразование), стагнация (застой), консенсус (согласование), плюрализм (многообразие), презентация (представление), диск/сингл (пластинка) và những từ khác.

5.2. Thay từ đã vay mượn trước kia từ tiếng Pháp hoặc Đức bằng tiếng Anh :

аниматор (мультипликатор), брифинг (пресс-конференция), дисплей (экран), рейтинг (авторитет), катридж (патрон), паблисити (реклама), шоу (спектакль), сэндвич (бутерброд), спосор (меченат) và những từ khác.

5.3. Dùng nguyên ký tự tiếng Anh : В салоне-магазине фирмы вы сможете выбрать автомобили "second hand" ведущих европейских фирм. Бессистемный ввоз сэконд хэндов - отслуживших в большинстве свой век машин унижает национальное достоинство (1992).

Nhiều từ vay mượn phải trải qua quá trình thích nghi lâu dài, cho nên trong quá trình sử dụng chúng đã có nhiều dạng khác nhau. Thí dụ như từ факс. Các loại từ điển (Từ điển tường giải Ôгiегôp: Từ điển từ vay mượn nước ngoài; Nga - Việt từ điển) đều chỉ ghi nhận từ "факсимиле". Còn các từ đã gặp : Факсимильная установка, факсимильная машина, факс-аппарат, телефакс.

Tóm lại, những hiện tượng trên có ảnh hưởng rất nhiều tới việc sử dụng ngôn ngữ.

Xã hội Nga hiện nay đang theo xu hướng mở rộng dân chủ hóa trong mọi lĩnh vực, kết quả là tồn tại nhiều cơ quan ngôn luận của các tổ chức, đảng phái khác nhau - dân chủ hóa trong ngôn luận, hầu như không kiểm duyệt. Về mặt ngôn ngữ cũng trăm hoa đua nở theo sở thích riêng cho sự sáng tạo độc đáo. Có nhiều hiện tượng đi vào cuộc sống, cũng có nhiều hiện tượng không được xã hội chấp nhận. Hậu quả của những trào lưu đó ảnh hưởng trước hết đến phong cách, tới văn hóa ứng xử. Nhiều người mất thiện cảm với chế độ xô viết, do đó họ loại (không dùng) ngay cả những từ ngữ không cần bỏ đi mà đã được sử dụng rộng rãi thời xô viết, thay chúng bằng những từ một thời là từ cổ, hoặc từ vay mượn khác. Tiềm ẩn cũng cần đề cập đến địa danh - một yếu tố văn hóa hết sức quan trọng mà chúng ta có thể bàn ở một chuyên đề riêng. Hầu hết địa danh liên quan đến Cách mạng XHCN tháng Mười, đến các danh nhân, lãnh tụ thời đó bị xóa - dù đó là tên một tỉnh, thành phố, đại lộ, quảng trường, ga xe, ngõ phố ... Thậm chí có những danh nhân văn hóa tâm cỡ cũng không được loại trừ, khiến báo chí phải lên tiếng! Một nhóm các nhà văn hóa có uy tín kiến nghị : Моссовет изгоняет великих русских и не только русских ... из центра Москвы. Необходимо прекратить издевательство над культурой, ибо топонимика - ее неотъемлемая часть.

Phong cách văn học bị tổn hại. người ta đưa vào ngôn ngữ văn học nhiều yếu tố phương ngữ, hội thoại thô鄙, thông tục, vay mượn theo một làm cho ngôn ngữ mất đi vẻ trong sáng, trở nên khó hiểu. Một vài thí dụ :

Молодой да ранний супротив "благолинного общества" ...

Какие промеж вас отношения ...

Судьба страны решается, бя, а им насрать.

Послат на три буквы.

Trong tình cảnh ấy, chúng ta ở xa đất nước Nga, trong tay hầu như không có tài liệu cập nhật - nên việc biên soạn tài liệu học tập và giảng dạy tiếng Nga gặp nhiều khó khăn. Hơn lúc nào hết những yếu tố văn hóa hiện nay rất cần cho chúng ta. Nhưng ngay bản thân người Nga cũng thấy lúng túng cho việc định hình khối lượng nội dung cần dạy trong chương trình tiếng Nga như một ngoại ngữ [2]. Trong tình hình hiện nay quay lại với những kiến thức văn hóa cổ là yên tâm nhất, nhưng liệu có hiệu quả không trong việc dạy tiếng Nga như ngoại ngữ?

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Арутюнов А.Р. Многофакторный количественный анализ учебников иностранных языков. Сб.: Содержание и структура учебника РКИ. М., 1981, с. 65.
2. Лариохина Н.М. Практический курс русского языка для иностранных учащихся. Ч.2. М., 1977.
3. Серия: Русский язык и советское общество. М., 1968.
4. Нгуен Нгок Хунг. Некоторые изменения в морфологической системе совр. русс. языка под влиянием социальных факторов. Nội san "Ngoại ngữ", số 11 - 1997.
5. Нгуен Нгок Хунг. Влияние социальных факторов на развитие лексики совр. русс. языка. Nội san "Ngoại ngữ", số 12 - 1996.
6. Костомаров В.Г. Языковой вкус эпохи. М., 1994.
7. Nguyễn Hào. 89 chủ thể ở LB Nga. *Việt Namская русистика*. Вып. 9, 1998.

MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA VÀ NGÔN NGỮ QUA HÌNH ẢNH TRÂU - BÒ TRONG THÀNH NGỮ VIỆT - ANH

Th.s HUỖNH CÔNG MINH HÙNG
Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ rất biện chứng. Từ lâu các nhà ngôn ngữ học và văn hóa học đã nhìn thấy và nghiên cứu mối quan hệ này. Mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ được thể hiện trong tất cả các cấp độ của ngôn ngữ. Đặc biệt, thành ngữ là một trong những lĩnh vực thể hiện rất rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa.

Ở Việt Nam, chúng ta có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ, đặc biệt là trong đối chiếu, so sánh thành ngữ giữa các ngôn ngữ, giúp ích rất nhiều trong việc giảng dạy và học tập ngoại ngữ. Việc nghiên cứu thành tố chỉ động vật trong thành ngữ tuy mới ở bước đầu nhưng cũng gợi mở được nhiều vấn đề. Từ năm 1995 đến nay, đã có những công trình nghiên cứu có giá trị của Phan Văn Quế [10], Trần Thị Lan [9], Lương Duyên [1] ...

Để góp phần làm sáng tỏ thêm mối quan hệ giữa văn hóa và ngôn ngữ trong thành ngữ, chúng tôi sẽ phân tích hình ảnh trâu và bò trong thành ngữ Việt - Anh - Nga. Do phạm vi hạn hẹp của báo cáo này, chúng tôi chủ yếu so sánh ngữ nghĩa của thành ngữ có thành tố trâu bò trong ba ngôn ngữ. Chúng tôi không có tham vọng so sánh một cách toàn diện ở cả ngữ nghĩa và cấu trúc, vì đòi hỏi nghiên cứu rất sâu.